

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026

KHỐI MẪU GIÁO LỚN 5 – 6 TUỔI

Căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường năm học 2025 – 2026;
Căn cứ vào cơ sở vật chất, đặc điểm tình hình thực tế của trẻ. Khối mẫu giáo lớn 5- 6 tuổi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Chủ đề thực hiện	Đ/c bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực thể chất				
a) Chiều cao cân nặng				
1	Cân nặng Trẻ trai: 15,9 – 27,1kg Trẻ gái: 15,4 – 27,8kg Chiều cao: Trẻ trai: 106,1 – 125,8cm Trẻ gái: 104,9 – 125,4cm			
b) Phát triển vận động				
2	- Trẻ biết thực hiện đúng thuần thực các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: hô hấp; tay; lưng, bụng, lườn; chân: tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lưng, bụng, lườn: +Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay	1 -> 9	

		chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.		
3	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), + Đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi.	1,2 3 6 7	
4	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể d	+ Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát	8,9	
5	Trẻ biết kiểm soát vận động đi, chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh(đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi, chạy thay đổi tốc độ hướng đích dắc theo hiệu lệnh	4	
6	Trẻ biết phối hợp tay và mắt trong vận động: bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m)	+ Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ + Ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m) - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân	1 3 8, 9 9	
7	Trẻ biết phối hợp tay và mắt, thể hiện nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp: ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).	+ Ném xa bằng 1 tay , 2 tay . + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.	4,6,9 6,7	
8	Trẻ thực hiện phối hợp tay và mắt trong vận động: đi, đập và bắt được bóng nảy 4 – 5 lần liên tiếp	+ Đi và đập bắt bóng.	5	
9	Trẻ có khả năng thực hiện nhanh, mạnh khéo trong bài	+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây.	5	

	tập tổng hợp: chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.			
10	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp: Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m- 5m1 - Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0 - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	1,9 3,4 6 2,7	
11	Trẻ thực hiện được vận động uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Trẻ biết gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.	2,3,5	
12	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.	- Tô đồ theo nét	9	
13	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong cắt được theo đường viền của hình vẽ.	- Xé, cắt đường vòng cung.	7	
14	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.	- Lắp ráp	1->7,9	
15	Trẻ thực hiện phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong được ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.	- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu	3,7	
16	Trẻ thực hiện phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa(phéc mơ tuya).	- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.	2	
17	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	- Thực hiện đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	1	

18	- Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm	- Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40 - 50cm	2 4	
19	- Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40 cm	- Bật qua vật cản 15-20cm - Bật - nhảy từ trên cao xuống 40- 45 cm - Bật tách chân – khép chân qua 7 ô	3,9 6,7 6	
20	- Trẻ biết trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất	Trèo lên xuống 7 gióng thang	5,8	
21	- Trẻ biết nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu;	- Nhảy lò cò 5 m	5, 9	
22	- Trẻ biết chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	- Chạy chậm khoảng 100 - 120 m	9	
23	- Trẻ có thể tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút	- Tập trung chú ý - Tham gia hoạt động tích cực - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp ngủ, gật...	1	
c) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
24	Trẻ có khả năng lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2	
25	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến	2	
26	Trẻ thực hiện được một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất, đủ lượng - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo	1, 2	

	nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vật ngoài đường.	phì...).		
27	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.		5	
28	Trẻ có khả năng tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự lau mặt, đánh răng.	- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. - Đánh răng, lau mặt,	1 2	
29	Trẻ có khả năng tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	8	
30	Trẻ thực hiện được đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	1	
31	Trẻ sử dụng được đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	3	
32	Trẻ thực hiện được một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh	3 2 7	
33	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần;	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những vật	3	

	không nghịch các vật sắc, nhọn.	dụng nguy hiểm đến tính mạng.		
34	Trẻ có khả năng nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sắc... - Biết không tự ý uống thuốc - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		6	
35	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.	7	
36	Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	8	
37	Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: - Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	8	
38	Trẻ nói được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ	- Địa chỉ, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ	9	
39	Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (không tự ý đi chơi, đi bên phải lề đường. Không leo trèo cây, ban công, tường rào). - Thực hiện một số quy định khi tham gia giao thông: Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có	1,7	

		người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy...		
40	- Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Kể được một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá - Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng lời nói hoặc hành động.	9	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a) Khám phá khoa học				
41	Trẻ thực hiện được sự tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.	5, 6, 7, 8	
42	Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi	1, 2 5, 6, 7, 8	
43	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển	- Đặc điểm, công dụng của một số PTGT - Các nguồn nước trong môi trường sống - Một số đặc điểm, tính chất của nước	5, 6	
44	Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Tên gọi các loại thiên tai, đặc điểm của thiên tai: Mưa lũ, giông sét, mưa đá, động đất.	1, 7 8	
45	Trẻ có thể nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả	1 5, 6 8	

		- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng		
46	Trẻ thực hiện được phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu, phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu	1 5, 6,7	
47	Trẻ nêu được, nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng: Bốc hơi của nước, mưa lũ, sạt lở, giông sét, mưa đá, động đất...	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Ích lợi của nước đối với con người, con vật và cây. - Một số hiện tượng: Bốc hơi của nước, mưa lũ, sạt lở, giông sét, mưa đá, động đất	1,3 5,6 8	
48	Trẻ có khả năng giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao cần làm như vậy. -Thích ứng và hành động bảo vệ để hạn chế mưa lũ, sạt lở đất...	5, 6, 8	
49	Trẻ có khả năng thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt	- Thể hiện vai chơi	2,3,4-	

	động chơi, âm nhạc và tạo hình.	trong trò chơi đóng vai theo chủ đề, hoạt động sáng tạo bằng các nguyên vật liệu khác nhau.	>9	
50	Trẻ có thể nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống;	- Một số hiện tượng thời tiết, thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa	8	
51	Trẻ có thể giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Hiểu được ý nghĩa, giải thích được nguyên nhân, hậu quả các dấu hiệu, biểu hiện cơ bản sự bốc hơi của nước, mưa lũ, sạt lở, giông sét, mưa đá, động đất.	8	
<i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>				
52	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	1,3,4,6,8	
53	Trẻ thực hiện được đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		1,3,4,6	
54	Trẻ có khả năng so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	9	
55	Trẻ thực hiện được gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. Trẻ thực hiện được tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau	- Gộp / tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	1,3,4,6,8	

56	Trẻ có khả năng nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	1>7, 9	
57	Trẻ có khả năng nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (biển số xe,...).	9	
58	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	2	
59	Trẻ có khả năng nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Trẻ có khả năng sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp.	6	
60	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5 5 8	
61	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau	7	
62	Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2	
63	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ	- Nhận biết hôm qua,	8	

	trong tuần, các mùa trong năm.	hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.		
c) Khám phá xã hội				
64	Trẻ nói được đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. Biết cách chăm sóc bản thân, có kỹ năng ứng xử với người lạ.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Cách giao tiếp/ứng xử với người lạ: + Ứng xử khi người lạ cho quà + Ứng xử khi ở nhà một mình + Ứng xử khi gặp người lạ (Ở trường, nhà, trên đường...) + Yêu cầu trợ giúp khi gặp nguy hiểm: tìm nguồn trợ giúp từ cộng đồng khi rơi vào tình huống nguy hiểm.	2	
65	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.	3	
66	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình.	3	
67	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non;	1	
68	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của các cô bác trong trường.	1	
69	Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động	1	

	khí được hỏi, trò chuyện.	của trẻ ở trường.		
70	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương	4	
71	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội, lễ hội hoa ban, lễ hội Thành bản Phủ.	Đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. Lễ hội thành Bản Phủ-Đền Hoàng Công Chất.	8, 9	
72	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh. - Đặc điểm nổi bật của di tích thành Bản Phủ.	8, 9	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
73	Trẻ có khả năng thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Trò chuyện và hướng dẫn thực hành “Giao thông tại ngã tư đường phố”	7	
74	Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Trẻ hiểu 1 số từ mới liên quan đến: nghề nghiệp, thực vật (hoa quả, các loài hoa, rau củ, hạt, ...); tết và mùa xuân; các loài động vật (gia súc, gia cầm, động vật biển, ...); giao thông (các loại phương tiện đường sông, đường biển, đèn báo hiệu, ...); nước và các hiện tượng thiên nhiên, quê hương đất nước bằng tiếng việt, tiếng anh.	4->9	
75	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc	2,3,4,5,9	

	thoại.	phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi		
76	Trẻ có khả năng kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu	3,4,5,9	
77	Trẻ có khả năng miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Trẻ có thể tự tin giới thiệu bản thân và các thành viên trong gia đình bằng tiếng việt, tiếng anh. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.	2	
78	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?	1,4, 5	
79	Trẻ có khả năng dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	5,8,9	
80	Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9	
81	Trẻ có khả năng kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự	9	
82	Trẻ thực hiện được đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.	9	
83	Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	3	

84	Trẻ có khả năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Chào hỏi bằng Tiếng Anh các câu đơn giản.	4	
85	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	3->9	
86	Trẻ có khả năng kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	7->9	
87	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách - Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	3->6, 8, 9	
88	Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1, 7	
89	Trẻ thực hiện được việc nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái.	1 ->9	
90	Trẻ có khả năng tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô đồ các nét chữ - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Hướng viết của các nét chữ;	1->9	
91	Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	- Trao đổi bằng lời nói để thống nhất các đề xuất trong cuộc chơi với các bạn - Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó - Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý của mình	3	

92	Trẻ có thể kể biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau - Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển	8	
93	Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác;	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói chen vào khi người khác đang nói. - Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong	3	
94	Trẻ không nói tục, chửi bậy.	- Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào	3	
95	Trẻ có khả năng biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	- Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thể hiện điều muốn truyền đạt.	6	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
96	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	3	
97	Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Phòng tránh bị người cùng giới, khác giới xâm hại, và biết yêu cầu sự giúp đỡ của người lớn khi có dấu hiệu bị xâm hại.	2	
98	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2	

99	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Quan tâm giúp đỡ những người gần gũi (ông bà, bố mẹ, anh chị em trong gia đình; cô giáo, bạn bè ở lớp học)	1, 3	
100	Trẻ tự làm được một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	1	
101	Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Thực hiện các quy tắc/quy ước trong nhóm/lớp hoặc cộng đồng	6,7,8	
102	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc	2	
103	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	2	
104	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác	2	
105	Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận biết được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) - Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi, ngày 19/5 là ngày sinh nhật của Bác	9	
106	Trẻ thể hiện được tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện được tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	9	
107	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội	9	

	nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	của quê hương, đất nước.		
108	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1,7	
109	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác - Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự	1,7,8,9	
110	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.	4, 5	
111	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	2,7,9	
112	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).		3,7,8	
113	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6	
114	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	3,5,6	
115	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu	3,6	
116	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước.	6,8	
117	Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Trấn tĩnh lại, hạn chế cảm xúc và những hành vi tiêu cực(như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi). Khi được người khác giải thích, an ủi chia sẻ. - Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực(khó chịu, tức giận) của bản	4	

		thân khi giao tiếp với bạn bè, người thân		
118	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn	- Chủ động giúp đỡ khi nhìn thấy bạn hoặc người khác cần sự trợ giúp - Sẵn sàng nhiệt tình giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu	4	
119	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	- Mô tả được ảnh hưởng, hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác. - Giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây phản ứng như thế nào	4	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
120	Trẻ có khả năng tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	6, 8, 9	
121	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục....) của các tác phẩm tạo hình.		4, 7	
122	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) hát bài hát, bản nhạc: thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->6, 9	
123	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1-> 9	
124	Trẻ thực hiện vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản	1-> 9	

	loại tiết tấu, múa).	nhạc.		
125	Trẻ có khả năng phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	4-> 9	
126	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1,2, 5,6,7,8, 9	
127	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		4,5	
128	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		2,5	
129	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		2	
130	Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1-> 9	
131	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	9	
132	Trẻ thực hiện được gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	2-> 8	
133	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	4	
134	Trẻ có khả năng đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	9	

DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian (Tháng, từ ngày...đến ngày)	ST T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9 3 tuần (Từ ngày 8/9 -> 26/9/2025)	1	Trường mầm non	- Trường mầm non của bé - Lớp học của bé - Công việc của cô bác trong trường mầm non	1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày hội đến trường	3
Tháng 10 4 tuần (Từ ngày 29/9 đến 24/10/2025)	2	Bé giới thiệu về mình	- Tết trung thu - Cơ thể diệu kỳ của bé - Cảm xúc của bé - Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Tết trung thu	4
Tháng 11 4 tuần (Từ ngày 27/10 đến 21/11/2025)	3	Gia đình	- Ngôi nhà bé yêu - Đồ dùng gia đình bé. - Nhu cầu gia đình - Ngày nhà giáo Việt Nam	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày nhà giáo Việt Nam	4
Tháng 12 4 tuần Từ ngày 24/11 đến ngày 19/12/2025	4	Bé thích làm nghề gì	- Nghề sản xuất - Nghề xây dựng - Nghề truyền thống địa phương (thổ cẩm, đan lát) - Nghề bộ đội	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày thành lập QĐNDV N	4
Tháng 12 (4 tuần từ ngày 22/12/25 đến ngày 16/1/2026)	5	Những con vật bé yêu	- Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước. - Côn trùng	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần		4

Tháng 1- 2 (5 tuần từ ngày 19/1 đến ngày 27/2/2026	6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân	- Một số loại cây - Một số loại hoa - Một số loại quả - Tết nguyên đán và mùa xuân - Một số loại rau	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Tết nguyên đán	5
Tháng 3 3 tuần từ ngày 2/3 đến ngày 27/3/2026	7	PT và quy định giao thông	- Một số PTGT đường thủy, đường hàng không - Một số PTGT đường bộ - Một số quy định GT	1 tuần 1 tuần 1 tuần		3
Tháng 4 (4 tuần từ ngày 30/3 đến ngày 17/4/2026)	8	Nước - Các hiện tượng thiên nhiên	- Thời tiết và mùa - Nước và đời sống con người. - Lễ hội thành Bản phủ- Đền Hoàng Công Chất - Mùa hè	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Lễ hội thành Bản phủ- Đền Hoàng Công Chất	4
Tháng 4-5 (4 tuần đến ngày 20/4 đến ngày 22/5/2026	9	Quê hương Đất nước Bác Hồ - Trường tiểu học - Tết thiếu nhi	- Đất nước Việt Nam - Quê hương Điện Biên - Bác Hồ kính yêu - Trường tiểu học- Tết thiếu nhi	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Sinh nhật Bác	4
Tổng cộng: 35 tuần						

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Cà Thị Thanh Huyền

